

Phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Nguyễn Thuỳ Dương

Nguyễn Bích Ngân

Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 06/11/2020

Ngày nhận bản sửa: 10/11/2020

Ngày duyệt đăng: 25/11/2020

Tóm tắt: Quy trình quản lý rủi ro danh mục cho vay tại ngân hàng thương mại (NHTM) bao gồm: xây dựng khung quản trị rủi ro, nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro và sử dụng công cụ quản lý rủi ro. Trên góc độ quản lý rủi ro danh mục cho vay, nhận diện rủi ro tín dụng (RRTD) có những đặc trưng riêng so với công việc này ở phạm vi từng khoản vay riêng lẻ. Nghiên cứu này tổng hợp cơ sở lý luận về các phương pháp sử dụng để nhận diện rủi ro danh mục cho vay. Để đánh giá thực trạng sử dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các NHTM Việt Nam trên các phương diện: mức độ sử dụng, thực trạng triển khai, các kết quả đạt được và hạn chế trong sử dụng các phương pháp, nhóm tác giả thực hiện khảo sát tại 16 NHTM Việt Nam với nội dung gồm 09 câu hỏi và phỏng vấn chuyên sâu các chuyên gia về các vấn đề được lồng ghép trong khảo sát. Trên cơ sở này, nhóm tác giả đưa ra giải pháp đối với các NHTM Việt Nam nhằm hoàn thiện các phương

Credit risk identification methods for loan portfolios of Vietnamese commercial banks

Abstract: Risk identification is an important step in credit risk management process of loan portfolio, which includes: building framework for risk management, risk identification, risk measurement and using tools for risk management. In loan portfolio range, credit risk identification has distinguished characteristics with this for individual loan. With current theoretical and practical literatures, there are not many studies focusing on methods and tools in the purpose of credit risk identification in loan portfolio. This paper gives overview on theories of methods applied to identify credit risk in loan portfolio. Based on which, the authors evaluate facts of methods used in loan portfolio risk identification by survey and professional interview. The final contribution of this paper is giving solutions for Vietnamese commercial banks in order to improve credit risk identification methods for loan portfolios, from that banks could reduce credit risk level in their operations.

Keywords: Credit risk identification methods, Loan portfolio, Early warning system, Vintage analysis, Trend report, Migration analysis.

Duong Thuy Nguyen

Email: duongnt@hvn.edu.vn

Ngan Bich Nguyen

Email: ngannb@hvn.edu.vn

Organization of all: Banking Academy of Vietnam

pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay, qua đó góp phần giảm thiểu RRTD tại ngân hàng.

Từ khoá: Nhận diện rủi ro danh mục cho vay, Cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, Phân tích Vintage, Phân tích xu hướng, Phân tích dịch chuyển.

1. Giới thiệu

Bước nhận diện rủi ro có vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro danh mục cho vay, bởi nếu không nhận biết được đầy đủ về rủi ro thì NHTM sẽ đánh giá thấp về mức độ rủi ro thực tế, từ đó không dự trữ đủ vốn để chống đỡ rủi ro, dẫn đến nguy cơ tổn thất tín dụng cho ngân hàng là rất lớn. Về phương pháp thực hiện, nhận diện rủi ro danh mục cho vay của NHTM là công việc phức tạp và khó để có một phương pháp hay quy trình duy nhất nào là tối ưu cho mọi NHTM. Công việc này được thực hiện theo các phương pháp đa dạng, linh hoạt tùy thuộc danh mục cho vay của từng ngân hàng và cần thực hiện bám sát theo chính sách, chiến lược tín dụng, những thay đổi trong hoạt động tín dụng và khi có các sản phẩm tín dụng mới. Trong các nghiên cứu hiện có, các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay được chia thành hai nhóm chính, bao gồm: (i) phương pháp cảnh báo sớm RRTD; và (ii) các phương pháp đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ.

Đối với phương pháp cảnh báo sớm RRTD, một số các nghiên cứu điển hình về phương pháp luận trong việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng tại NHTM như Gramlich và các cộng sự (2010); Zhou, Wang và Qiu (2008); Davis và Karim (2008); Nguyễn Văn Huân và Đỗ Năng Thắng (2018); Nguyễn Thị Lan và các cộng sự (2018). Bên cạnh đó, các nghiên cứu tiêu

biểu về tính hiệu quả trên thực tiễn khi áp dụng hệ thống cảnh báo sớm để nhận diện rủi ro tín dụng tại NHTM ở các quốc gia khác nhau có thể kể tới như Azam (2016) tại Iran; Qin và Luo (2014) tại nhóm các quốc gia phát triển G20; Koyuncugil và Ozgulbas (2012) tại Thổ Nhĩ Kỳ; Tiberiu (2006) tại Romani; Sahajwala và Bergh (2000) tại nhóm các quốc gia phát triển G10.

Đối với các phương pháp đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ như phương pháp phân tích xu hướng (Trend report), phương pháp phân tích dịch chuyển (Migration analysis), phương pháp phân tích Vintage (Vintage analysis), các nghiên cứu hiện có là không nhiều. Với nhóm các công trình nước ngoài, phương pháp được tập trung nghiên cứu nhiều hơn cả là phân tích Vintage. Phương pháp này được chứng minh là khá hiệu quả như Siarka (2011), Zhang (2009), Breeden (2004), Burns và Stanley (2001)... đã đưa trong công trình của mình. Với nhóm các công trình trong nước thực hiện nghiên cứu về các phương pháp sử dụng để nhận diện rủi ro tín dụng thông qua đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ, hiện mới chỉ có công trình của Phạm Thị Nương (2013) nghiên cứu về phương pháp phân tích dịch chuyển.

Như vậy, các nghiên cứu chuyên sâu về nhận diện rủi ro danh mục cho vay là không nhiều. Trong khuôn khổ bài báo này, các tác giả sẽ tập trung giải quyết ba mục tiêu

nghiên cứu như sau: *một là*, tổng hợp cơ sở lý luận về các phương pháp sử dụng để nhận diện rủi ro danh mục cho vay; *hai là*, đánh giá thực trạng sử dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các NHTM Việt Nam; *ba là*, đưa ra hệ thống các giải pháp đối với các NHTM Việt Nam nhằm hoàn thiện nhận diện rủi ro danh mục cho vay, qua đó góp phần giảm thiểu RRTD tại ngân hàng.

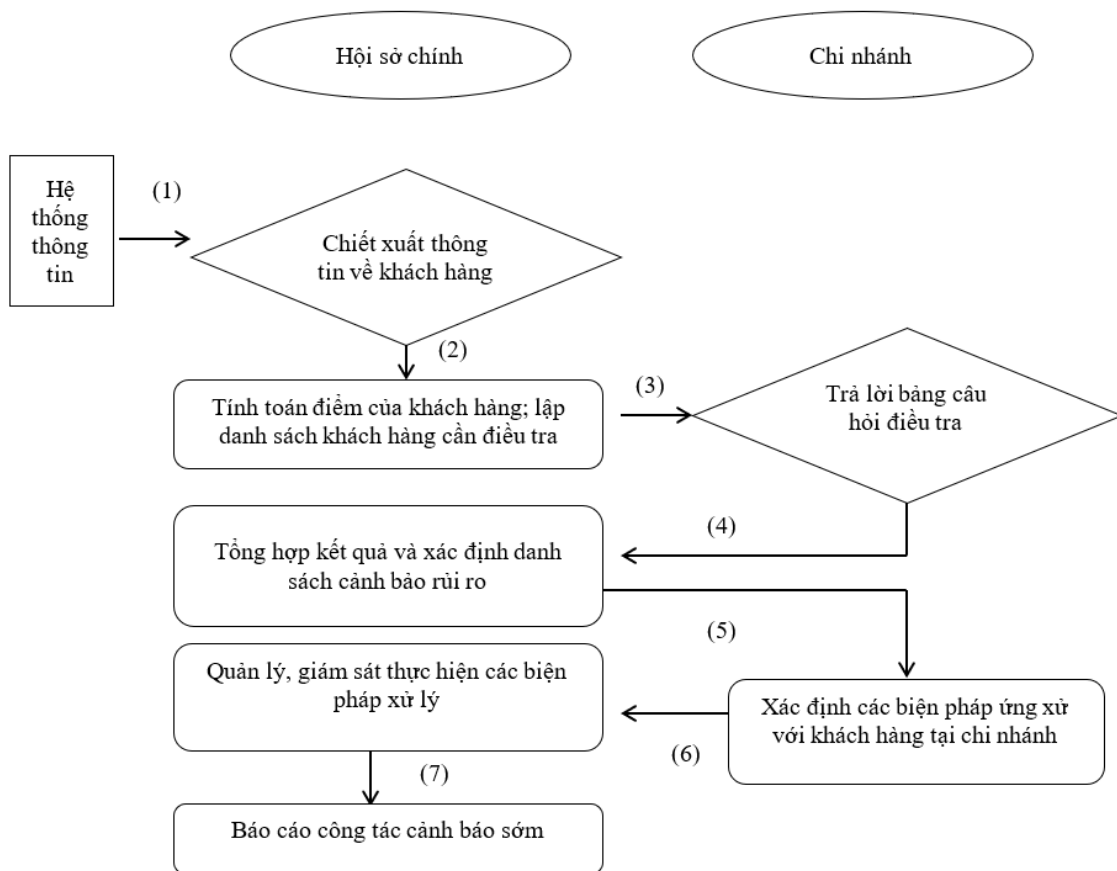
2. Cơ sở lý thuyết về các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay

2.1. Báo cáo tín dụng và cảnh báo sớm rủi ro tín dụng

Để phục vụ việc nhận diện RRTD toàn

diện và hiệu quả, NHTM có thể tiến hành tổng hợp dữ liệu và đưa vào một hệ thống quản lý thống nhất để đưa ra các báo cáo tín dụng và từ đó có các cảnh báo sớm về RRTD. Các báo cáo tín dụng làm cơ sở cho cảnh báo sớm RRTD bao gồm báo cáo định kì và báo cáo đặc biệt liên quan đến các nội dung sau: nhóm khách hàng có dư nợ tín dụng lớn nhất, các khoản dư nợ lớn nhất; phân tích danh mục tín dụng... Khi thực hiện báo cáo tín dụng, chất lượng thông tin tín dụng là yếu tố quan trọng. Các thông tin về chất lượng các khoản tín dụng NHTM có thể tự thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu hoặc được cung cấp từ các tổ chức chuyên nghiệp.

Báo cáo tín dụng là phương tiện để NHTM



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Hình 1. Quy trình thực hiện ở cả hai cấp Hội sở chính và chi nhánh ngân hàng thương mại

có thể đưa ra cảnh báo sớm RRTD. Trong đó *Cảnh báo sớm RRTD (Early Warning System- EWS)* là một cách thức để NHTM đưa ra các cảnh báo về mức độ rủi ro của khách hàng, từ đó NHTM có thể chủ động trong các biện pháp xử lý và hỗ trợ khách hàng, hạn chế khả năng phát sinh nợ xấu, tăng chất lượng tín dụng của cả danh mục tín dụng.

Quy trình Hệ thống cảnh báo sớm RRTD được phối hợp thực hiện ở cả hai cấp Hội sở chính và cấp chi nhánh trong hệ thống NHTM. Trong đó các bước thực hiện được cụ thể tại Hình 1.

(1) Từ hệ thống thông tin quản lý của ngân hàng chiết xuất thông tin về khách hàng.

(2) Tính toán điểm của khách hàng, lập danh sách khách hàng cần điều tra.

(3) Khách hàng trả lời bảng câu hỏi điều tra.

(4) Tổng hợp kết quả và xác định danh sách cảnh báo rủi ro.

(5) Xác định các biện pháp ứng xử khách hàng tại chi nhánh.

(6) Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp ứng xử.

(7) Báo cáo công tác cảnh báo sớm.

Kết quả của công tác cảnh báo sớm là khách hàng sẽ được theo dõi tại Hội sở chính theo ba cấp độ cảnh báo chính là màu đỏ (rủi ro cao), màu vàng (rủi ro trung bình) và màu xanh (rủi ro thấp). Theo các cấp độ rủi ro khác nhau mà ngân hàng sẽ có các ứng xử phù hợp thực hiện tại cấp chi nhánh. Định kỳ, danh sách các khách hàng thuộc diện

cần cảnh báo rủi ro sẽ được quản lý, theo dõi tập trung tại Hội sở chính. Từ đó, ban lãnh đạo ngân hàng sẽ có được cái nhìn bao quát về mức độ rủi ro hiện tại trên phạm vi toàn danh mục và đưa ra các biện pháp hành động kịp thời.

2.2. Nhóm phương pháp đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ

Có ba phương pháp để nhận diện rủi ro danh mục cho vay thông qua đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ được phân tích, bao gồm: phân tích dịch chuyển (*Migration analysis*), phân tích xu hướng (*Trend report*) và phân tích Vintage (*Vintage Analysis*). Bảng 1 tổng hợp tóm tắt về mục đích phân tích, ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp trên.

3. Thực trạng sử dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Để đưa ra các đánh giá về thực trạng nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các NHTM Việt Nam, nhóm tác giả dựa trên hai phương pháp nghiên cứu chính như sau:

Thứ nhất, nhóm tác giả thực hiện khảo sát trên mẫu nghiên cứu gồm 16 NHTM Việt Nam được chia làm hai nhóm như sau:

Nhóm 1: Bao gồm nhóm 09 ngân hàng được lựa chọn triển khai Basel II theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) là NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), NHTMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), NHTMCP Kỹ thương (Techcombank), NHTMCP Á Châu (ACB), NHTMCP Việt

Bảng 1. So sánh các phương pháp đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ

Phương pháp	Mục đích phân tích	Ưu điểm	Nhược điểm
Phân tích dịch chuyển (<i>Migration analysis</i>)	Phân tích việc các khoản vay trong danh mục chuyển từ nhóm nợ quá hạn này sang nhóm nợ quá hạn khác.	Kĩ thuật phân tích khá đơn giản, không đòi hỏi các phần mềm kĩ thuật phức tạp.	Chưa có tính kịp thời theo chất lượng thực tế của danh mục tại thời điểm phân tích. Chỉ phân tích duy nhất về thay đổi chất lượng các khoản vay thông qua việc thay đổi nhóm nợ, mà không tính tới các yếu tố khác.
Phân tích xu hướng (<i>Trend report</i>)	Phân tích về các thông tin của danh mục qua thời gian, từ đó đưa ra xu hướng về rủi ro.	Các đặc điểm của danh mục được đưa ra phân tích là đa dạng và tùy ý theo yêu cầu của nhà quản trị ngân hàng.	Cần kết hợp phân tích xu hướng về nhiều yếu tố khác nhau của danh mục để tránh đưa ra nhận định phiến diện.
Phân tích Vintage (<i>Vintage Analysis</i>)	Phân tích tỷ lệ PAR của danh mục từng phân đoạn khách hàng dựa trên số liệu lịch sử, từ đó đưa ra xu hướng thay đổi trong mức độ rủi ro cũng như các nhân tố ảnh hưởng tới việc vỡ nợ của từng nhóm khách hàng.	Không chịu ảnh hưởng bởi các tỷ lệ về tốc độ tăng trưởng hay tỷ lệ nợ xấu-những dữ liệu có thể không được báo cáo chính xác.	Đòi hỏi kĩ thuật và phần mềm sử dụng trong phân tích phức tạp hơn hai phương pháp trên. Để đưa ra nhận định đủ tin cậy cần kết hợp thêm các kĩ thuật để kiểm định lại (back-testing)

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ Centenary Bank (2014), J.P.Morgan (2016)

Nam Thịnh Vượng (VPBank), NHTMCP Quân Đội (MB), NHTMCP Hàng Hải (Maritime Bank) và NHTMCP Quốc tế (VIB).

Nhóm 2: bao gồm 07 NHTM Việt Nam không nằm trong nhóm 09 ngân hàng trên là NHTMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank), NHTMCP An Bình (AB Bank), NHTMCP Bảo Việt (Bao Viet bank), NHTMCP Đại Chúng (PVcomBank), NHTMCP Xăng dầu Petrolimex (PG bank), NHTMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) và NHTMCP Quốc dân (NCB). Trong nhóm này có một số ngân hàng đã thực hiện triển khai Basel II dù chưa nằm trong diện triển khai thí điểm của NHNN, còn một số các ngân hàng hoàn toàn chưa bắt đầu quá trình triển khai Basel II hoặc chưa có định hướng rõ ràng về việc này.

Khảo sát hướng tới đối tượng trả lời là các cán bộ làm việc tại các bộ phận liên quan tới nghiệp vụ quản lý rủi ro danh mục cho vay tại các NHTM, trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2019. Các đối tượng được khảo sát tham gia trả lời các câu hỏi liên quan tới thực trạng áp dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại NHTM. Hình thức phát phiếu khảo sát và nhận phản hồi là qua thư điện tử (chi tiết xem thêm Phụ lục Phiếu khảo sát).

Bảng 2 thể hiện thống kê về kết quả khảo sát được thực hiện trong nghiên cứu này.

Thứ hai, phỏng vấn chuyên gia (chi tiết xem thêm Phụ lục Phiếu khảo sát). Để đưa ra các đánh giá thực trạng và giải pháp hoàn thiện các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các NHTM Việt

Bảng 2. Thống kê về khảo sát thực hiện tại nghiên cứu

Nội dung	Kết quả thực hiện
Số lượng phiếu khảo sát phát ra	50 (phiếu)
Số lượng phiếu khảo sát nhận về	38 (phiếu)
Thời gian nhận phản hồi (số ngày trung bình từ lúc phát phiếu đến lúc nhận phiếu)	37,1 (ngày)
Tỷ lệ số câu hỏi được trả lời trong mỗi phiếu khảo sát nhận về (số trung bình)	87,4%
Bộ phận làm việc của cán bộ trả lời khảo sát	- Khối quản lý rủi ro: Phòng quản lý RRTD - Khối tác nghiệp: Phòng quản lý tín dụng, Phòng tín dụng
Chức vụ cao nhất của cán bộ trả lời khảo sát	Phó giám đốc khối quản lý rủi ro
Kinh nghiệm làm việc tại bộ phận hiện tại của cán bộ trả lời khảo sát (số trung bình năm làm việc)	4,3 (năm)

Nguồn: Nhóm tác giả

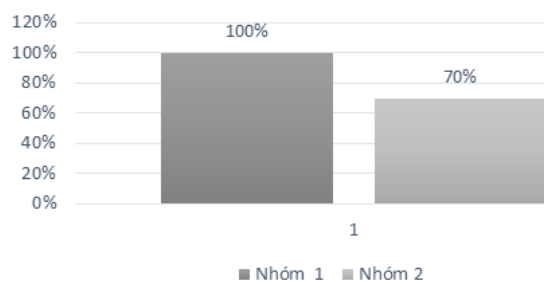
Nam, nhóm tác giả dựa trên ý kiến của các chuyên gia được phỏng vấn trong quá trình thực hiện khảo sát, kết hợp với các chuẩn mực về quản lý RRTD theo khuyến nghị của Basel. Đối tượng được phỏng vấn là các chuyên gia tham gia trả lời khảo sát ở trên với nội dung phỏng vấn là các vấn đề mang tính đánh giá chủ quan của chuyên gia về sử dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại NHTM được lồng ghép trong Bảng hỏi khảo sát tại các câu hỏi số 5, 6, 7, 8, 9 (Phụ lục), hình thức phỏng vấn qua điện thoại và trực tiếp.

3.2. Các kết quả nghiên cứu chính

Về phương pháp cảnh báo sớm rủi ro (EWS)

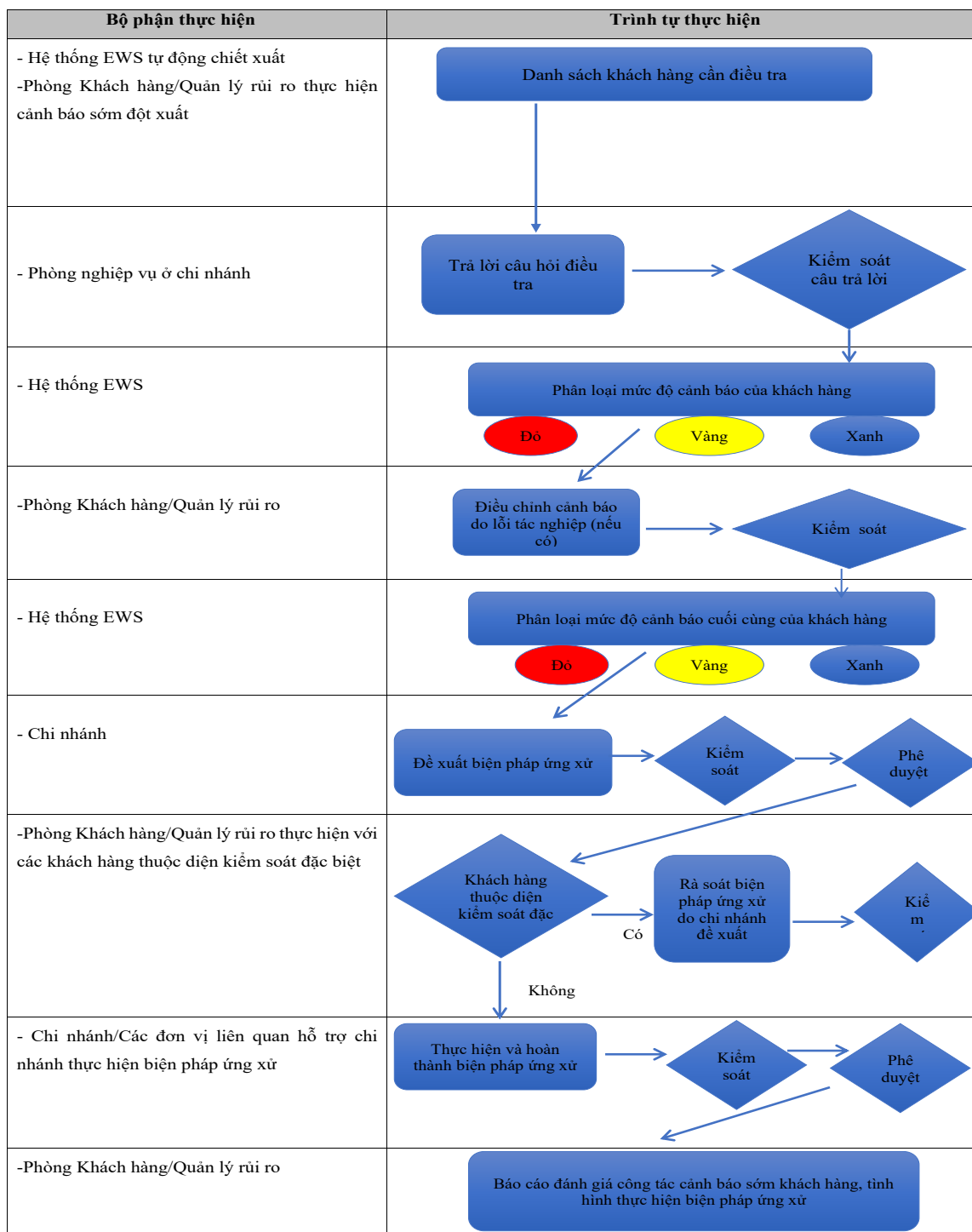
Trên thực tế, khi sử dụng kết hợp các nhóm dấu hiệu nhận biết RRTD từ các thông tin, dữ liệu cả bên trong và bên ngoài NHTM, các ngân hàng đã xây dựng nên hệ thống cảnh báo sớm để nhận diện sớm RRTD. Kết quả khảo sát từ mẫu nghiên cứu về cảnh báo sớm RRTD trên danh mục cho vay thể hiện ở Hình 2.

Theo kết quả khảo sát, 100% các NHTM nhóm 1 đã xây dựng được hệ thống cảnh báo sớm RRTD trên danh mục cho vay, điều này trước hết để đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel II và hơn nữa là để đáp ứng nhu cầu về công cụ nhận diện RRTD sớm tại các NHTM. Tại nhóm 2, mới chỉ 70% các NHTM đã xây dựng được hệ thống này. Tuy vậy về mặt pháp lý, theo Điều 31, 37 của Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về theo dõi và kiểm soát RRTD thì việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm RRTD là yêu cầu tối thiểu để các NHTM có thể quản lý được RRTD. Như vậy các NHTM nhóm 2 cần có lộ trình thực hiện sớm các quy định này.



Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả

Hình 2. Tỷ lệ các NHTM đã xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng



Nguồn: Phòng Quản lý RRTD tại NHTM thuộc mẫu nghiên cứu

Hình 3. Quy trình thực hiện cảnh báo sớm rủi ro tín dụng tiêu biểu tại các NHTM Việt Nam

Hình 3 là quy trình cảnh báo sớm RRTD của đại diện một NHTM thuộc nhóm 1, được xem là quy trình khá chuẩn mực như theo

khuyến nghị của Basel và theo lý thuyết về EWS. Quy trình này được áp dụng với các khách hàng được nhận diện trên hệ thống

EWS của ngân hàng. Quy trình cảnh báo sớm RRTD bao gồm: Quy trình cảnh báo sớm thông thường và Quy trình cảnh báo sớm đột xuất, trong đó:

- Quy trình cảnh báo sớm thông thường là quy trình áp dụng với các khách hàng nhận diện định kỳ hàng tháng bởi hệ thống EWS.

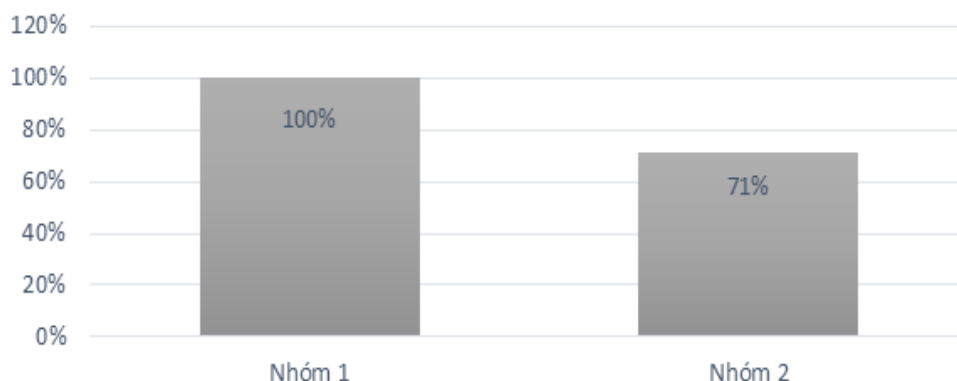
- Quy trình cảnh báo sớm đột xuất là quy trình áp dụng đối với các khách hàng thuộc diện cảnh báo rủi ro đột xuất do có dấu hiệu RRTD liên quan đến khách hàng trong quá trình giám sát sau tín dụng.

Dựa trên nền tảng công nghệ khá hiện đại, hệ thống EWS này được NHTM xây dựng dựa trên hai lớp màng lọc thông tin. Màng lọc thứ nhất dựa trên hệ thống Kho dữ liệu doanh nghiệp, Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng. Kết quả của màng lọc này cho ra danh mục các khoản cho vay cần điều tra. Sau đó, màng lọc thứ hai dựa trên kết quả điều tra thông tin vĩ mô về hoạt động kinh doanh của khách hàng và các thông tin từ môi trường vĩ mô để đưa ra ba mức độ cảnh báo: Đỏ, Vàng, Xanh tương ứng với ba mức độ rủi ro: Rủi ro cao, Rủi ro, Khó khăn tạm thời.

Về các phương pháp đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ

Kết quả khảo sát tổng hợp tại câu hỏi số 4 (Hình 4 và Phụ lục Khảo sát) cho thấy, phần lớn các NHTM ở cả hai nhóm đều đã sử dụng các phương pháp để phân tích sự thay đổi trong chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ và từ đó nhận diện rủi ro phát sinh từ danh mục cho vay ở thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy trong các phương pháp được sử dụng, Trend reports là nhóm phương pháp được sử dụng phổ biến nhất tại các NHTM được nghiên cứu bởi tính dễ thực hiện hơn. Đối với các phương pháp yêu cầu trình độ công nghệ phần mềm sử dụng trong phân tích, trình độ nhân lực thực hiện phân tích cao hơn và phức tạp hơn như Migration analysis và Vintage analysis thì chỉ mới được sử dụng tại 4 NHTM nhóm 1 và chưa có NHTM nào ở nhóm 2 thực hiện được. Tại 4 NHTM nhóm 1 này, việc sử dụng kết hợp các phương pháp, mô hình để phân tích, đánh giá về chất lượng danh mục cho vay hiện có được thực hiện theo từng tiểu danh mục theo phân khúc sản phẩm hoặc phân khúc địa lý.

3.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu



Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả

Hình 4. Tỷ lệ các NHTM sử dụng các phương pháp đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ

Kết hợp phỏng vấn các chuyên gia, nhóm nghiên cứu thảo luận về các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong áp dụng các phương pháp nhận diện rủi ro tín dụng như sau:

3.2.1. Kết quả đạt được

Hướng tới tiệm cận chuẩn mực quản trị ngân hàng theo nguyên tắc Basel II đề xuất, các NHTM tại Việt Nam hiện nay đều đã xây dựng được các phương pháp luận để nhận diện rủi ro trên danh mục cho vay như sử dụng phối hợp các mô hình đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ hay xây dựng mô hình cảnh báo sớm rủi ro. Xét về hiệu quả của hệ thống cảnh báo sớm đã được sử dụng để nhận diện rủi ro trên danh mục cho vay tại các NHTM, kết quả phỏng vấn chuyên gia tại nghiên cứu này cho thấy, đây là công cụ giúp việc nhận diện rủi ro chuyển từ phương pháp định tính (phương pháp chuyên gia) sang dạng mô hình định lượng có tính khách quan và khoa học hơn, ngoài ra còn là công cụ được thực hiện toàn diện trong cả hệ thống NHTM nên đã giúp việc thực hiện giám sát khách hàng sau cho vay nghiêm túc, chặt chẽ hơn. Bên cạnh đó, hệ thống cảnh báo sớm còn giúp NHTM tiết kiệm thời gian, công sức cho nhân viên tín dụng, là công cụ hiệu quả cho khối Quản lý rủi ro và ban lãnh đạo cấp cao trong quản lý RRTD. Với kết quả của hệ thống này đưa ra, cấp quản lý có thể nhận diện được khách hàng đang thuộc nhóm rủi ro nào theo từng mức độ cảnh báo cụ thể, từ đó có thể đánh giá khả năng và thời điểm chuyển nhóm của từng khách hàng để xây dựng kế hoạch tài chính và cân đối vốn của ngân hàng. Theo đánh giá của các chuyên gia tham gia vào khảo sát này, việc triển khai hệ thống cảnh báo sớm hiệu quả có thể giúp các NHTM phát hiện sớm khả năng không trả được nợ của

khách hàng trước thời điểm vỡ nợ trên thực tế 06 tháng. Ngoài ra, khi phát triển tốt hệ thống cảnh báo sớm này đã góp phần giảm thiểu khoảng 60% tổn thất, trong khi nếu chỉ thực hiện các công cụ quản trị RRTD truyền thống mà không có cảnh báo sớm RRTD thì hiệu quả giảm thiểu tổn thất chỉ khoảng 20%.

3.2.2. Về các hạn chế và nguyên nhân

Việc sử dụng các phương pháp hiện đại để nhận diện rủi ro tín dụng trên danh mục cho vay thông qua đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ như Migration analysis, Vintage analysis... còn hạn chế tại các NHTM. Bên cạnh đó, xét về các hạn chế của NHTM khi áp dụng hệ thống cảnh báo sớm trong nhận diện RRTD trên danh mục cho vay, kết quả phỏng vấn chuyên gia của nhóm tác giả cho thấy:

Thứ nhất, các chỉ số cảnh báo sớm rủi ro hiện nay được đưa vào mô hình vẫn chưa bao phủ được các nguyên nhân gây ra vỡ nợ chủ yếu cho khách hàng doanh nghiệp như: Triển vọng kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo và hồ sơ tín dụng, những thay đổi về mặt quản lý hoặc chiến lược...

Thứ hai, tính cập nhật và chính xác của hệ thống này chưa cao do ít sử dụng các chỉ tiêu có thể tính tự động, ví dụ như: tỷ lệ sử dụng hạn mức, số ngày quá hạn, độ biến động dòng tiền vào/ ra... Việc này làm giảm tính cập nhật theo thời gian thực của kết quả cảnh báo.

Thứ ba, ý nghĩa của kết quả đầu ra của việc áp dụng EWS mới chỉ dừng lại trên cấp độ quản lý rủi ro sau cho vay, chưa mang nhiều ý nghĩa cảnh báo sớm.

Những hạn chế về áp dụng hệ thống EWS như trên có thể xuất phát từ nguyên nhân trình độ công nghệ và phần mềm sử dụng, chất lượng và tính sẵn có của thông tin từ phía khách hàng vay, hoặc do nhận thức của ban lãnh đạo ngân hàng vẫn chưa đề cao vai trò của EWS trong quản lý rủi ro tại đơn vị mình.

4. Giải pháp hoàn thiện nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Trước thực trạng đã nêu trên về sử dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại NHTM, các giải pháp được nhóm tác giả đưa ra như sau:

Thứ nhất, các NHTM nhóm 2 cần có lộ trình nhanh chóng xây dựng và vận dụng thực tiễn hệ thống EWS trong quản lý rủi ro danh mục cho vay. Các NHTM này có thể tham khảo khuôn mẫu triển khai tại các NHTM tương đồng đã hoàn thành và vận hành hệ thống EWS trên thực tế, chuẩn bị các điều kiện về tài chính và nhân sự để đáp ứng với yêu cầu vận hành của hệ thống này.

Thứ hai, tại cả hai nhóm NHTM cần hoàn thiện hệ thống EWS theo hướng đa dạng hơn các chỉ số dùng trong cảnh báo sớm RRTD, đặc biệt các chỉ số dành cho nhóm khách hàng doanh nghiệp, đồng thời cần sử dụng nhiều hơn các chỉ số có thể tính toán

tự động và cập nhật được theo tình hình tài chính của khách hàng liên tục theo thời gian. Thêm vào đó, các NHTM Việt Nam có thể bổ sung thêm các chỉ số về kinh tế vĩ mô hoặc các chỉ số về chất lượng tín dụng của hệ thống các NHTM để đưa ra cảnh báo sớm về các loại rủi ro hệ thống, bởi các rủi ro này sau đó sẽ tác động tới danh mục cho vay của từng NHTM.

Thứ ba, để nâng cao chất lượng nhận diện RRTD và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro, các NHTM ở cả hai nhóm, đặc biệt các NHTM nhóm 1, cần thúc đẩy việc sử dụng các mô hình, phương pháp thống kê theo hướng hiện đại như Migration analysis, Vintage analysis... thông qua đầu tư nguồn lực để nâng cao trình độ công nghệ và đào tạo nhân sự có trình độ phân tích và sử dụng phần mềm.

5. Kết luận

Nhận diện rủi ro là nội dung quan trọng, thậm chí có tính quyết định tới hiệu quả của các bước phía sau trong quy trình quản lý rủi ro danh mục cho vay tại NHTM bao gồm: xây dựng khung quản trị rủi ro, nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro và sử dụng công cụ quản lý rủi ro. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã hệ thống hoá cơ sở lý thuyết về các nhóm phương pháp sử dụng trong nhận diện rủi ro danh mục cho vay bao gồm: phương

xem tiếp trang 73

Phụ lục

PHIẾU KHẢO SÁT/PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA

Về các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay của ngân hàng thương mại

Câu 1: Bộ phận anh/chị đang làm việc tại ngân hàng hiện nay là gì?

- Quản lý cấp cao (Hội đồng quản trị/Ban điều hành/Ban kiểm soát)
- Ủy ban /Khối quản lý rủi ro
- Bộ phận tín dụng
- Bộ phận kế toán

- Bộ phận kiểm soát/kiểm toán nội bộ
- Khác (Cụ thể:.....)

Câu 2: Chức vụ của anh/chị tại bộ phận đang làm việc hiện nay là gì?

Câu 3: Thời gian anh/chị đã công tác tại vị trí hiện tại?

Câu 4: Hiện ngân hàng anh/chị đang theo phương pháp nào để nhận biết rủi ro danh mục cho vay? (Anh/chị có thể làm rõ về phương pháp này)

Câu 5: Đánh giá của anh/chị về tính hiệu quả của các phương pháp được sử dụng để nhận biết rủi ro danh mục cho vay tại ngân hàng của anh/chị?

Câu 6: Những hạn chế trong sử dụng các phương pháp nhận biết rủi ro danh mục cho vay tại ngân hàng của anh/chị là gì?

Câu 7: Theo anh/chị, những hạn chế trên (câu 6) xuất phát từ những nguyên nhân nào?

Câu 8: Việc sử dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay hiện nay ở ngân hàng anh/chị đang gặp những khó khăn gì?

Câu 9: Các kiến nghị, đề xuất của anh/chị để hoàn thiện các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay là gì?

Tài liệu tham khảo

- Azam, A. (2016). *Design of Early Warning System for Predicting Exposure to Failure Time of Banks*. *Quarterly Journal of Applied Theories of Economics*, 2(4), p119-144.
- Breeden, L. (2004). *Stress Testing 2004-2005 Retail Originations*. *The RMA Journal*, 87, p34-39.
- Burns, P. and Stanley, A. (2001). *Managing Consumer Credit Risk*. Discussion Paper, Federal Reserve Bank of Philadelphia. Available at: http://www.phil.frb.org/pcc/papers/2001/ConsumerCreditRisk_092001.pdf
- Centenary Bank (2014). *Agricultural Credit Risk Management*. Training Manual.
- Davis, P. and Karim, D. (2008). *Comparing early warning systems for banking crises*. *Journal of Financial Stability*, 4 (2), p89-120.
- Gramlich, D.; Miller, G.; Oet, M. and Ong, S. (2010). *Early Warning Systems for Systemic Banking Risk: Critical Review and Modeling Implications*. *Journal of Banking & Finance*, 37 (11), p 4510-4533.
- J.P.Morgan (2016). *Risk Management Tool Guide: Portfolio Quality Analysis (PQA)*. Toolkits and guides. Available at: <https://www.accion.org/risk-management-tool-guide-portfolio-quality-analysis-pqa>
- Koyuncugil, A. and Ozgulbas, N. (2012). *Financial early warning system model and data mining application for risk detection*. *Expert Systems with Applications*, 39 (6), p6238-6253.
- Ngân hàng Nhà nước, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018
- Nguyễn Văn Huân, Đỗ Năng Thắng (2018). *Mô hình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân cho các ngân hàng thương mại Việt Nam*. *Tạp chí Kinh tế & Quản trị kinh doanh*, Số 06, trang 86-92.
- Nguyễn Thị Lan và cộng sự (2018). *Ứng dụng một số phương pháp xây dựng hàm phân loại trong cảnh báo sớm nguy cơ vỡ nợ của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam*. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, Số 16(7), trang 698-706.
- Phạm Thị Nương (2013). *Xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng để cảnh báo nguy cơ chuyển nhóm nợ đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam*. Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.
- Qin, X. and Luo, C. (2014). *Capital account openness and early warning system for banking crises in G20 countries*. *Economic Modelling*, 39(April), p190-194.
- Sahajwala, R. and Bergh, P. (2000). *Supervisory risk assessment and early warning systems*. Working paper, Basel Committee on Banking Supervision, No.4, December.
- Siarka, P. (2011). *Vintage analysis as a basic tool for monitoring credit risk*. *Mathematical*, 7(14), p213-228.
- Tiberiu, A. (2006). *Early warning system for the Romanian banking sector: The CAAMPL approach*. *Annals of the University of Oradea: Economic Science*, 3(1), p458-466.
- Zhang, A. (2009). *Statistical Methods in Credit Risk Modeling*. PhD thesis, University of Michigan.
- Zhou, H.; Wang, J. and Qiu, Y. (2008). *Application of the Cross Entropy Method to the Credit Risk Assessment in an Early Warning System*. *International Symposiums on Information Processing, Moscow*: p728-732.

các yêu cầu về tính chất công việc ngành Ngân hàng đang thay đổi nhanh chóng, các nhân viên ngân hàng thế hệ mới phải có năng lực chủ động trong công việc, khả năng thích nghi, các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và quản trị bản thân tốt. Bởi vậy, đổi mới phương pháp giảng dạy để tăng cường tính chủ động, tích cực của người học là việc làm cần thiết và quan trọng. Bài viết đã hệ thống hoá các lý luận

về phương pháp giảng dạy chủ động, đánh giá thực trạng giảng dạy theo phương pháp chủ động tại các khoa chuyên ngành của HVNH, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của phương pháp giảng dạy này. Bài viết hi vọng đóng góp một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành ngân hàng và cho xã hội. ■

Tài liệu tham khảo

- Bonwell, Charles C. and James A. Eison. 1991, "Active Learning Creating Excitement in the Classroom" ASHE-ERIC Higher Education Report No. 1. Washington, D.C.: The George Washington University, School of Education and Human Development.
- Galan-Muros, V. and Davey, T., 2014, "University-Business Cooperation Can Benefit All", [Referenced: 30th November 2014]. Available at: <http://www.researchmedia.com/blog/university-business-cooperation-can-benefit-all/>.
- Học viện Ngân hàng, "Phiếu lấy ý kiến người học về giảng viên", áp dụng các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020
- Học viện Ngân hàng, Kết quả lấy ý kiến người học về giảng viên các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020
- Jensen, E.J. & Owen, A.L. (2003), "Appealing to Good Students in Introductory Economics", *Journal of Economic Education*, 34(4), 299-325.
- Mulongo, G., 2013, "Effect of active learning teaching methodology on learner participation", *Journal of Education and Practice*
- Osborn, A. F. (1953, rev. 1957, 1963) "Applied imagination: Principles and procedures of creative problem-solving", New York: Charles Scribner's Sons.
- Prince, M., (2004), "Does active learning work? u A review of research", *Journal of Engineering Education*, 93 (3), 223-231

tiếp theo trang 58

pháp cảnh báo sớm rủi ro và các phương pháp đánh giá chất lượng danh mục cho vay trong quá khứ, phân tích thực trạng vận dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các NHTM Việt Nam trên mẫu nghiên cứu gồm 16 NHTM được chia làm hai nhóm, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện nhận diện rủi ro danh mục cho vay tại các NHTM Việt Nam.

Trong khuôn khổ của một bài báo, nghiên cứu này không tránh khỏi hạn chế khi chưa đánh giá được hiệu quả trên thực tiễn của việc vận dụng các phương pháp nhận diện rủi ro danh mục cho vay nói trên tại các NHTM. Đây cũng là gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này ■